

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HS-ST
Ngày 28-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hợp

Bà Lương Thị Phương

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Sơn Lâm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Lương Thị Thu Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2020/TLST-HS, ngày 25/6/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXXST-HS, ngày 08/7/2020; Thông báo số 631/TB-TA ngày 13/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn về việc chuyển ngày xét xử, đối với các bị cáo:

1. Trương Việt H (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 12 tháng 11 năm 1998 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn L, sinh năm 1976 và bà Nông Thị D, sinh năm 1977; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 28/2015/HSST ngày 28/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách 01 năm về tội Chống người thi hành công vụ, bị cáo đã chấp hành xong đã được xóa án tích, bị cáo chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 27-02-2020, tạm giam từ ngày 29-02-2020 đến nay, có mặt.

2. Nông Văn T1 (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 07 tháng 01 năm 2001 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở:

Thôn K, xã T1, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn M, sinh năm 1977 (đã chết) và bà Lương Thị C, sinh năm 1978; vợ, con: Chưa có; tiền án: Bản án số 73/2018/HSST ngày 19/11/2018 của TAND huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự chưa được xóa án tích, bị cáo chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 27-02-2020, tạm giam từ ngày 29-02-2020 đến nay, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1969, địa chỉ số nhà ***, tổ *, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ *Người chứng kiến:* Anh Hà Văn K, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trung Đ1 là đối tượng nghiện chất ma túy. Khoảng 11 giờ ngày 27/02/2020 Nguyễn Trung Đ1 nhận được điện thoại từ Nông Văn T1 hỏi mua ma túy với giá 1.000.000 (một triệu) đồng, Nguyễn Trung Đ1 đồng ý và hẹn Nông Văn T1 sẽ gặp nhau ở khu vực dãy nhà trọ tại Bãi M thuộc Khu *, xã T2, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Sau đó Nguyễn Trung Đ1 đến chân đồi K thuộc thôn N, xã T2, huyện V, tỉnh Lạng Sơn để tìm gặp T3 (không rõ họ tên đệm, địa chỉ cụ thể) là đối tượng cung cấp ma túy cho Nguyễn Trung Đ1 để bán, tại đây qua trao đổi Nguyễn Trung Đ1 nói có người muốn mua chất ma túy với giá 1.000.000 (một triệu) đồng, T3 đồng ý và đưa cho Nguyễn Trung Đ1 một gói ni lông màu hồng bên trong chứa chất ma túy, Nguyễn Trung Đ1 nhận lấy ma túy và đi đến địa điểm đã hẹn để gặp Nông Văn T1. Tại dãy nhà trọ Nguyễn Trung Đ1 tự mở cửa vào phòng của Đ2 (không rõ họ tên đệm, địa chỉ cụ thể - là đối tượng bóc vác hàng hóa thuê) thì thấy Đ2 và những người khác đang nằm ngủ say, sau đó Nguyễn Trung Đ1 đi vào phòng vệ sinh và tách lấy một ít ma túy trong gói ni lông và gói vào tờ giấy bạc với mục đích để sử dụng, số ma túy còn lại Nguyễn Trung Đ1 gói lại như cũ. Sau khi liên lạc hẹn mua chất ma túy với Nguyễn Trung Đ1, Nông Văn T1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12V1 – 08*** đi từ nhà vào xã T2, huyện V, tỉnh Lạng Sơn khi đi qua Bãi D thuộc khu *, xã T2, huyện V, tỉnh Lạng Sơn thì gặp Trương Việt H. Trước đó Trương Việt H một mình đón xe khách từ nhà đến xã T2 với mục đích tìm mua ma túy về sử dụng, khi đến nơi Trương Việt H đi bộ lên đồi K thuộc thôn N, xã T2, huyện V,

tỉnh Lạng Sơn thì gặp 01 người đàn ông Việt Nam (khoảng 40 tuổi, không rõ họ tên, địa chỉ), qua trao đổi Trương Việt H đã mua 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng ma túy và nhận được 01 gói nilon màu xanh bên trong có chất ma túy heroine, Trương Việt H nhận lấy và cất giấu vào bên trong quần lót đang mặc rồi đi bộ xuống chân đồi thì gặp T4 (là đối tượng nghiện ma túy, không rõ họ tên đệm, địa chỉ), Trương Việt H cùng T4 đi ăn cơm ở khu vực Bãi D thì gặp Nông Văn T1. Trương Việt H gọi điện cho Nông Văn T1 và hỏi cho đi nhờ xe về cùng, Nông Văn T1 đồng ý và bảo Trương Việt H đến đây phòng trọ tại khu vực Bãi M thuộc khu *, xã T2, huyện V, tỉnh Lạng Sơn để chờ. Khoảng một lúc sau thì Nông Văn T1 đến địa điểm đã hẹn, Nguyễn Trung Đ1 bảo Nông Văn T1 vào bên trong phòng để tránh phát hiện, Nông Văn T1 đưa cho Nguyễn Trung Đ1 1.000.000 (một triệu) đồng, Nguyễn Trung Đ1 nhận lấy tiền và đưa lại cho Nông Văn T1 01 gói ni lông màu hồng có chứa ma túy, Nông Văn T1 đã tách một ít và sử dụng ngay tại đó. Một lúc sau thì Trương Việt H và T4 đến tìm Nông Văn T1, Nông Văn T1 nói với Nguyễn Trung Đ1 “đây là người quen của em” rồi mở cửa phòng cho Trương Việt H và T4 vào, Trương Việt H hỏi Nguyễn Trung Đ1 “ở đây có ai có không” (ý là có ma túy không), Nguyễn Trung Đ1 bảo “tao còn một cái, mày có lấy thì lấy, sau đó Nguyễn Trung Đ1 bán cho Trương Việt H 01 gói ma túy với giá 100.000 (một trăm nghìn) đồng. Sau khi nhận lấy ma túy thì Trương Việt H và T4 sử dụng ngay tại đó, khi sử dụng xong thì các đối tượng đi về, T4 đi đâu không rõ, Nông Văn T1 chờ Trương Việt H đi về thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tiếp tục tuần tra kiểm soát tại khu vực Bãi M thuộc khu *, xã T2, huyện V, tỉnh Lạng Sơn phát hiện Nguyễn Trung Đ1 có biểu hiện nghi vấn, tổ công tác tiến hành lập biên bản sự việc theo quy định, đồng thời ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp.

Tài sản, đồ vật tạm giữ: Số tiền 2.890.000 (hai triệu tám trăm chín mươi nghìn) đồng và 01 (một) điện thoại nhãn hiệu VIVO Y67L màu trắng, vàng đã qua sử dụng của Nguyễn Trung Đ1; 01 (một) điện thoại Mobistar và 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 12V1 – 08*** của Nông Văn T1; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng của Trương Việt H.

Tại Bản Kết luận giám định số 100/KL – PC09 ngày 29/02/2020 và Kết luận giám định số 115/KLGD – PC09 ngày 17/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Hai mẫu vật trong hai phong bì gửi giám định đều là chất ma túy Heroine, trong đó số ma túy thu giữ của Nông Văn T1 có khối lượng 0,674 gam (đã trừ bì); số ma túy thu giữ của Trương Việt H có khối lượng 0,954 gam (đã trừ bì); số tiền thu giữ của Nguyễn Trung Đ1 đều là tiền thật.

Tại phiên tòa các bị cáo Trương Việt H, Nông Văn T1 khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên và không khai báo bổ sung. Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội bản thân đã thực hiện là nghiêm trọng vi phạm pháp luật, nhưng do bản thân nghiện ma túy nên bị cáo đã mua ma túy về để sử dụng.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ theo Điều 282 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử Đình chỉ xét xử đối với bị cáo Nguyễn Trung Đ1 do bị cáo đã chết ngày 21/7/2020.

- Tuyên bố các bị cáo Nông Văn T1, Trương Việt H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự đối với Nông Văn T1; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự đối với Trương Việt H; xử phạt bị cáo Nông Văn T1 từ 01 (một) năm 08 (tám) tháng đến 02 (hai) năm tù; xử phạt bị cáo Trương Việt H từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Quá trình xác minh bị cáo Trương Việt H không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản giá trị do đó đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Nông Văn T1 có tài sản là chiếc xe máy nên áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Tịch thu tiêu hủy 0,582 gam chất ma túy Heroin (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết) gói trong 01 túi nilon màu hồng cũ đựng trong 01 (một) phong bì có chữ “QT Nông Văn T1”; 0,741 gam chất ma túy Heroin (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết) gói trong túi nilon màu xanh (cũ) đựng trong 01 (một) phong bì thư có chữ “QT Trương Việt H”.

Do tại phiên tòa bị cáo Nông Văn T1 khai số tiền mua chiếc xe máy biển kiểm soát 12V1 – 08*** do mẹ bị cáo góp một phần tiền để mua nên là sở hữu chung của gia đình, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo Nông Văn T1 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 12V1 – 08***, màu sơn xanh đen; số khung: RLCUE1350FY001***, số máy: E3S1E024***, lắp 01 gương chiếu hậu bên trái, xe đã qua sử dụng, nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar LAZ1, màu vàng đã qua sử dụng, mặt kính phía trước có vết nứt, số imel: 359250221362*** của bị cáo Nông Văn T1.

Trả lại bị cáo Trương Việt H 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen, model: TA-1010, số imel: 357328089348*** điện thoại đã qua sử dụng, lắp 01 sim.

Tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại nhãn hiệu VIVO Y67L màu trắng vàng, đã qua sử dụng, mặt kính phía trước có nhiều vết nứt vỡ, số imel 1: 865675036806***, số imel 2: 865675036806***, lắp 02 sim. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.100.000 (một triệu một trăm nghìn) đồng do bị cáo Nguyễn Trung Đ1 phạm tội mà có và số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng không phải là tài sản của bị cáo, không xác minh được chủ sở hữu.

Đối với số tiền 790.000 (bảy trăm chín mươi nghìn) đồng là tiền của bị cáo Nguyễn Trung Đ1 đi vác hàng thuê được trả công, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên sẽ trả lại cho bị cáo, tuy nhiên nay bị cáo đã chết nên sẽ trả lại cho bà Nguyễn Thị T2 là mẹ đẻ của bị cáo.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận: Các bị cáo Trương Việt H, Nông Văn T1 không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Khi nói lời nói sau cùng bị cáo Trương Việt H xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội. Bị cáo Nông Văn T1 không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, phù hợp với quy định của pháp luật Tố tụng hình sự, các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Đối với bị cáo Nguyễn Trung Đ1, do ngày 21/7/2020 bị cáo đã chết; căn cứ vào Thông báo số 20/TB ngày 22/7/2020, biên bản về việc người bị tạm

giam chết ngày 22/7/2020, biên bản bàn giao tử thi ngày 22/7/2020; Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với bị cáo Nguyễn Trung Đ1.

[3] Sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 21/7/2020 bị cáo Nguyễn Trung Đ1 chết; do liên quan đến phần tài sản tạm giữ của bị cáo nên bổ sung người tham gia tố tụng bà Nguyễn Thị T2 là mẹ đẻ của bị cáo với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[4] Tại phiên tòa các bị cáo Nông Văn T1, Trương Việt H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai người chứng kiến và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận ngày 27/02/2020 bị cáo Nông Văn T1 đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,674 gam ma túy Heroine; bị cáo Trương Việt H tàng trữ trái phép 0,954 gam ma túy Heroine; các bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy để bản thân sử dụng. Hành vi của các bị cáo Trương Việt H, Nông Văn T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và thuộc trường hợp nghiêm trọng, cần xử lý nghiêm minh trước pháp luật; do đó Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với các bị cáo Trương Việt H, Nông Văn T1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Hành vi của các bị cáo gây ra là nghiêm trọng vì đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý chất gây nghiện của Nhà nước, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Các Bị cáo đủ tuổi trưởng thành, đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn phạm tội. Hiện nay việc đấu tranh phòng, chống ma túy là nhiệm vụ cấp bách của toàn xã hội, do đó hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo Trương Việt H, Nông Văn T1 cần phải được xử lý nghiêm minh theo đúng quy định của pháp luật.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại Bản án số 73/2018/HSST ngày 19/11/2018 của TAND huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt bị cáo Nông Văn T1 12 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo đã chấp hành xong nhưng chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội do cố ý, lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm” do đó bị cáo Nông Văn T1 bị áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trương Việt H không có tình tiết tăng nặng.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về nhân thân: Các bị cáo đã bị kết án, do đó xác định các bị cáo là người có nhân thân xấu.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung hình phạt tiền từ 5.000.000 (năm triệu) đồng đến 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng. Đối với bị cáo Trương Việt H không có tài sản riêng, không có việc làm, không có thu nhập ổn định để đảm bảo cho việc thi hành án do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trương Việt H. Đối với bị cáo Nông Văn T1 có tài sản là chiếc xe máy để đảm bảo cho việc thi hành án do đó áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nông Văn T1.

[10] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 0,582 gam chất ma túy Heroin (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết) gói trong 01 túi nilon màu hồng cũ đựng trong 01 (một) phong bì có chữ “QT Nông Văn T1”; 0,741 gam chất ma túy Heroin (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết) gói trong túi nilon màu xanh (cũ) đựng trong 01 (một) phong bì thư có chữ “QT Trương Việt H” vì là vật nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành.

[11] Tại phiên tòa bị cáo Nông Văn T1 khai số tiền mua chiếc xe máy biển kiểm soát 12V1 – 08*** do mẹ bị cáo góp một phần tiền để mua nên là sở hữu chung của gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo Nông Văn T1 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 12V1 – 08***, màu sơn xanh đen; số khung: RLCUE1350FY001***, số máy: E3S1E024***, lắp 01 gương chiếu hậu bên trái, xe đã qua sử dụng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[12] Tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar LAZ1, màu vàng đã qua sử dụng, mặt kính phía trước có vết nứt, số imel: 359250221362*** của bị cáo Nông Văn T1 vì liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

[13] Trả lại bị cáo Trương Việt H 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen, model: TA-1010, số imel: 357328089348*** điện thoại đã qua sử dụng, lắp 01 sim do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

[14] Tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại nhãn hiệu VIVO Y67L màu trắng vàng, đã qua sử dụng, mặt kính phía trước có nhiều vết nứt vỡ, số imel 1: 865675036806***, số imel 2: 865675036806***, lắp 02 sim của bị cáo Nguyễn Trung Đ1 vì liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.100.000 (một triệu một trăm nghìn) đồng do bị cáo Nguyễn Trung Đ1 phạm tội mà có và số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng không phải là tài sản của bị cáo Nguyễn Trung Đ1, không xác minh được chủ sở hữu.

[15] Đối với số tiền 790.000 (bảy trăm chín mươi nghìn) đồng là tiền của bị cáo Nguyễn Trung Đ1 đi vác hàng thuê được trả công, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên sẽ trả lại cho bị cáo, tuy nhiên nay bị cáo đã chết nên sẽ trả lại cho bà Nguyễn Thị T2 là mẹ đẻ của bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[16] Các bị cáo Trương Việt H, Nông Văn T1 bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[17] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn về các nội dung cần giải quyết trong vụ án và về tội danh, hình phạt, về việc xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[18] Đối với người đàn ông tên Th3 đã đưa ma túy cho bị cáo Nguyễn Trung Đ1 đi bán hộ, do không có lai lịch cụ thể nên Cơ quan điều tra không đủ điều kiện để xác minh làm rõ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[19] Đối với người đàn ông Việt Nam (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) đã bán ma túy cho bị cáo Trương Việt H tại đình đôi K thuộc thôn N, xã T2, huyện V, tỉnh Lạng Sơn Cơ quan điều tra không có đủ căn cứ để điều tra làm rõ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[20] Đối với đối tượng Đ2 người mà bị cáo Nguyễn Trung Đ1 khai nhận là chủ của phòng trọ mà Nguyễn Trung Đ1 đã tiến hành việc mua bán ma túy với các bị cáo Nông Văn T1 và Trương Việt H, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại khu vực dãy trọ tại Bãi M, thuộc khu *, xã T2, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và không thấy công dân nào tên Đ2 thuê phòng trọ tại địa chỉ trên, nên Cơ quan điều tra không đủ điều kiện điều tra làm rõ, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[21] Đối với người tên T4 đi cùng bị cáo Trương Việt H và người đàn ông tên Ráy mà bị cáo Nguyễn Trung Đ1 khai đã nhờ bị cáo Nguyễn Trung Đ1 đưa 1.000.000 (một triệu) đồng cho T3, do không rõ địa chỉ, họ tên cụ thể nên Cơ quan điều tra không có đủ điều kiện điều tra làm rõ các đối tượng trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[22] Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 282, 299, 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ xét xử đối với bị cáo Nguyễn Trung Đ1.

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Văn T1;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trương Việt H;

Căn cứ vào điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136; Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trương Việt H, Nông Văn T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Hình phạt:

- Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nông Văn T1 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 27-02-2020.

Xử phạt bị cáo Trương Việt H 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 27-02-2020.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trương Việt H. Áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nông Văn T1, xử phạt bị cáo Nông Văn T1 5.000.000 (năm triệu) đồng.

3. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 0,582 gam chất ma túy Heroin (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết) gói trong 01 túi nilon màu hồng cũ đựng trong 01 (một) phong bì có chữ “QT Nông Văn T1”; 0,741 gam chất ma túy Heroin (phần hao hụt do dùng mẫu giám định hết) gói trong túi nilon màu xanh (cũ) đựng trong 01 (một) phong bì thư có chữ “QT Trương Việt H”.

- Trả lại cho bị cáo Nông Văn T1 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 12V1 – 08***, màu sơn xanh đen; số khung: RLCUE1350FY001***, số máy: E3S1E024***, lắp 01 gương chiếu hậu bên trái, xe đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar LAZ1, màu vàng đã qua sử dụng, mặt kính phía trước có vết nứt, số imel: 359250221362*** của bị cáo Nông Văn T1.

- Trả lại bị cáo Trương Việt H 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen, model: TA-1010, số imel: 357328089348*** điện thoại đã qua sử dụng, lắp 01 sim.

- Tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại nhãn hiệu VIVO Y67L màu trắng vàng, đã qua sử dụng, mặt kính phía trước có nhiều vết nứt vỡ, số imel 1: 865675036806***, số imel 2: 865675036806***, lắp 02 sim của bị cáo Nguyễn Trung Đ1. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.100.000 (một triệu một trăm nghìn) đồng do phạm tội mà có và số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng không phải là tài sản của bị cáo Nguyễn Trung Đ1, không xác minh được chủ sở hữu.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị T2 số tiền 790.000 (bảy trăm chín mươi nghìn) đồng.

(Các vật chứng còn lại hiện nay đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/6/2020).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trương Việt H, Nông Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có mặt tại phiên tòa, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị T2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Công an huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn (02 bản);
- Đội Tổng hợp Công an H. Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Người có QL, NVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Linh